

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2019

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng.

2. Bà Pang Ting Suyl.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện không công nhận là vợ chồng và bản tự khai nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng ông bà không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà không được hòa thuận hạnh phúc do ông bà không hợp nhau, mâu

thuần trầm trọng nhất vào năm 2017 nên ông bà đã tự chia tài sản và ra sống riêng. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Hoàng Thị P, sinh ngày 25/3/1994; Hoàng Thị L, sinh ngày 19/4/1997 và Hoàng L, sinh ngày 20/02/2007. Hai con lớn hiện nay đã trưởng thành, có thể tự lo cho cuộc sống của con nên ông T không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung là Hoàng L có nguyện vọng được ở với bà T thì ông cũng đồng ý, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

2. *Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà và ông Hoàng Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên hai bên tự chia tay nhau. Nay bà cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là Hoàng Thị P, sinh ngày 25/3/1994; Hoàng Thị L, sinh ngày 19/4/1997 và Hoàng L, sinh ngày 20/02/2007. Hai con lớn hiện nay là Phương và Lan đã lớn nên bà không yêu cầu giải quyết. Còn con chung là Hoàng L hiện nay còn nhỏ nên bà yêu cầu được nuôi con, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận giải quyết xong. Về nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà T không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận là vợ chồng của ông Hoàng Văn T. Về con chung giải quyết theo nguyện vọng của con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau năm 1993, trên cơ sở tự nguyện nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do ông bà bất đồng quan điểm nên không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, càng lâu ngày mâu thuẫn càng trầm trọng và từ năm 2017 ông bà đã tự sống ly thân đến nay. Tại phiên tòa, ông T xác định không còn tình cảm do mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông T yêu cầu giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T, còn bà T xác định không thể hàn gắn quan hệ tình cảm nên bà T cũng đồng ý giải quyết theo yêu cầu của ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà T được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T có 03 con chung là Hoàng Thị P, sinh ngày 25/3/1994; Hoàng Thị L, sinh ngày 19/4/1997 và Hoàng L, sinh ngày 20/02/2007. Ông T và bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con là Hoàng Thị P và Hoàng Thị L, còn con chung là Hoàng L thì ông bà yêu cầu giải quyết giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu P và cháu L đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của ông T và bà T đối với các con.

Đối với cháu L hiện nay đã trên 07 tuổi lại có nguyện vọng được sống với bà T khi bố mẹ không chung sống với nhau. Hơn nữa, lâu nay cháu L vẫn sống cùng bà T và các bên cũng thống nhất giao cháu L cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, cần xem xét tiếp tục giao con là Hoàng L cho bà T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T cùng xác định đã tự thỏa thuận giải quyết xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Buộc ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc khởi kiện không công nhận là vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 147, Điều 203 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn T. Tuyên bố không công nhận ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng L, sinh ngày 20/02/2007 cho bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc không công nhận là vợ chồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Hoàng Văn T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000839 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, ông T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2019) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy